TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KV - HN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 330/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2025
V/v: Ly hôn và chia TS chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KV - HN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Th Huyền.**
Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Ngô Thị Yêm.**
2. **Ông Phạm Mạnh H.**
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Hoàng Th Thảo.**
Thư ký Toà án nhân dân KV - HN.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV - HN tham gia phiên toà*:**
Ông Nguyễn Xuân Luân – Kiểm sát viên.

Ngày18/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân KV - HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 91/2025/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn và chia tài sản chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025. Giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn**:* **Bà Lê Thị Th**, sinh năm 1963.
Nơi thường trú: Xóm B, xã TL, Thành phố HN.
Nơi ở: Phòng số …, tầng …, tòa …, Chung cư H, phường PĐ, Thành phố HN.
Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th là: **Bà Nguyễn Thị Thúy H** – Luật sư Công ty Luật TNHH VVTC thuộc Đoàn Luật sư Thành phố HN.
Bà Th, bà H có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Ông Phan Hồng S**, sinh năm 1964.

Nơi thường trú và nơi ở: Xóm …B, xã TL, Thành phố HN.
Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Ông S có mặt tại phiên tòa.

3. <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:</u>

Ngân hàng SHB *(Ngân hàng SHB)*.

Trụ sở: Số …THĐ, phường CN, Thành phố HN.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Th H - Tổng Giám đốc Ngân hàng SHB.
Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Đỗ Xuân K – Giám đốc phòng giao dịch – Ngân hàng SHB, Chi nhánh HK, Phòng giao dịch LB.

Ông K xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Lê Thị Th trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với ông Phan Hồng S ngày 14/10/1985 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã KN, huyện ĐA, Thành phố HN. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc, hoà hợp được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xích mích cãi nhau, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi có nguyện vọng được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là Phan Quốc Tr, sinh ngày 1996 và Phan Th H, sinh ngày 1987. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, đã có gia đình riêng. Sau khi ly hôn, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu giải quyết về bất động sản.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng là một khoản tiền 3.000.000.000 đồng hiện nay đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB. Trong số 3 tỷ trên có 1.500.000.000 đồng là tiền tôi bán đất tại ML, có 1.500.000.000 đồng là tiền bán đất bố mẹ chồng tôi cho. Tôi xác định số tiền 1.500.000.000 đồng bán đất tại ML là tài sản chung của vợ chồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên tôi đề nghị chia đôi số tiền trên. Tôi không có yêu cầu chia đối với số tiền 1.500.000.000 đồng bán đất bố mẹ chồng tôi cho.

Đối với số tiền 1.500.000.000 đòng tôi xác định là tài sản chung vợ chồng và yêu cầu chia tài sản chung, do hiện nay khoản tiền nay đang được gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB nên tôi đề nghị được chia cả gốc và lãi trên số dư tính đến ngày Toà án xét xử hoặc ngày Toà án công bố Quyết định.

Ngày 11/8/2025 bà Th và ông S đã thống nhất về việc chia tài sản chung là số tiền gửi tiết kiện, cụ thể: Tổng số tiền ông S gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB là 3 tỷ đồng. Bà Th xác định số tiền 1.500.000.000 đồng trong tổng số tiền 3 tỷ đồng là tiền bố mẹ ông S cho ông S, bà không yêu cầu chia. Còn lại số tiền 1.500.000.000 đồng còn lại là tài sản chung vợ chồng và ông bà thống nhất chia đôi số tiền này trên số dư thực tế tại thời điểm hiện nay. Tuy nhiên ngày 15/8/2025 bà Th có đơn đề nghị thay đổi thỏa thuận do hiện nay số tiền gốc ông S gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB là 3.208.832.877 đồng, do ông bà thống nhất chia số tiền trên số dư thực tế tại thời điểm hiện nay, nên bà đề nghị được chia đôi số tiền 1.604.416.438 đồng, bà đề nghị mỗi người được hưởng 802.208.219 đồng.

- Về nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn – Ông Phan Hồng S trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi nhất trí như bà Th trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, tính cách không phù hợp nhau. Nay bà Th xin ly hôn tôi cũng đồng ý ly hôn với bà Th.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung đúng như bà Th đã trình bày. Hiện các cháu đều đã trưởng thành và đã có gia đình riêng. Trường hợp phải ly hôn, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi thống nhất quan điểm của bà Th về số tiền 1.500.000.000 đồng bán đất ở ML là tài sản chung của vợ chồng và tôi cũng thống nhất phương án chia đôi cả gốc và lãi trên số dư tính đến ngày Toà án xét xử hoặc ngày Toà án công bố Quyết định.

Đối với số tiền 1.500.000.000 đồng là tiền bán đất bố mẹ tôi cho, không phải là tài sản chung vợ chồng, bà Th không yêu cầu chia, tôi cũng đồng ý.

- Về nợ chung: Tôi xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với việc năm 1998 bà Th có viết thư xin vay của bố mẹ tôi 15m mặt đường tại mảnh đất của bố mẹ tôi tại thành phố BH, tỉnh ĐN tôi không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Ngân hàng SHB trình bày:***

Thông tin sổ tiết kiệm của ông Phan Hồng S tại Ngân hàng SHB tính đến ngày 27/8/2025 như sau: Ông Phan Hồng S có gửi khoản tiết kiệm ngày 08/02/2025, số tiền gửi là 3.208.832.877 đồng, ngày hết hạn là ngày 08/3/2026, lãi suất là 6,4%/năm. Ngân hàng có gửi kèm theo các tài liệu liên quan đến việc rút,

gửi số tiền 3 tỷ đồng từ ngày 03/7/2020 của ông S cho đến nay.

Thông tin lãi của sổ tiết kiệm ông S gửi ngày 08/02/2025 tính đến ngày 05/9/2025 với lãi suất không kỳ hạn là 0,10%/năm là 1.837.386 đồng. Trường hợp nếu sổ tiết kiệm của ông S gửi ngày 08/02/2025 tính đến hết thời hạn gửi là ngày 08/3/2026 với lãi suất là 6,40% thì số tiền lãi là 221.119.355 đồng.

Việc Toà án giải quyết vụ án nêu trên theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th không ảnh hưởng tới quyền lợi, nghĩa vụ của Ngân hàng SHB, nên Ngân hàng SHB không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Đỗ Xuân K là người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng SHB tham gia tố tụng trong vụ án xin được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên toà xét xử vụ án trong tất cả các giai đoạn tố tụng tại Toà án các cấp cho đến khi kết thúc vụ án.

<u>Tại phiên tòa</u>:

+ Bà Lê Thị Th trình bày:

Về tình cảm: Bà vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc và ông bà đã sống ly thân từ rất nhiều năm nay. Vì vậy bà vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phan Quốc Tr, sinh năm 1996 và Phan Th H, sinh năm 1987. Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành, có gia đình riêng. Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung:

- Bà không yêu cầu giải quyết về tài sản chung là bất động sản.

- Bà vẫn xác định số tiền 1.604.416.438 đồng trong tổng số tiền 3.208.832.877 đồng ông S đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB là tài sản chung vợ chồng, trong đó có 1.500.000.000 đồng là tiền gốc bán mảnh đất tại ML và số tiền 104.416.438 đồng là tiền lãi của số tiền 1.500.000.000 đồng này. Số tiền còn lại 1.604.416.438 đồng là tài sản riêng của ông S.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng là số tiền 1.604.416.438 đồng, mỗi người được hưởng 802.208.219 đồng.

Ngoài ra bà Th không yêu cầu chia đối với khoản tiền nào khác.

Về nợ chung: Bà xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Phan Hồng S trình bày:

Về tình cảm: Ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, ông xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Nên bà Th xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phan Quốc Tr, sinh năm 1996 và Phan Th H, sinh năm 1987. Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành, có gia đình riêng. Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác nhận năm 2020 ông có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB tổng số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng, trong đó có 1.500.000.000 đồng là tiền của bố mẹ ông, 1.500.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Tổng số tiền gửi tiết kiệm này được đứng tên ông trong sổ tiết kiệm.

Ông xác nhận quá trình gửi số tiền 3.000.000.000 đồng tại Ngân hàng SHB từ năm 2020 đến nay đã tất toán nhiều kỳ, đầu năm 2025 ông đã gửi lại vào Ngân hàng SHB số tiền tiết kiệm là 3.208.832.877 đồng, kỳ hạn 13 tháng, lãi suất là 6,4%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án ông đã thống nhất với bà Th xác định chia đôi số tiền là tài sản chung vợ chồng cả gốc và lãi trên số dư nợ thực tế. Nay bà Th xác nhận trong tổng số 3.208.832.877 đồng ông đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB có 1.604.416.438 đồng là tài sản riêng của ông và số tiền còn lại 1.604.416.438 đồng là tài sản chung vợ chồng và bà Th yêu cầu chia đôi mỗi người được hưởng là 802.208.219 đồng, thì ông cũng hoàn toàn đồng ý và không có ý kiến gì.

Về nợ chung: Ông xác định không có và ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

*+ **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV - HN phát biểu ý kiến***:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác định tư cách pháp lý đối với các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tống đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đã chấp hành tốt pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39, 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Th và ông Phan Hồng S.

Về con chung: Bà Th và ông S có 02 con chung là Phan Quốc Tr, sinh năm 1996 và Phan Th H, sinh năm 1987. Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, nên không xét.

Về tài sản chung: Xác định ½ số tiền 3.208.832.877 đồng hiện nay ông S đang gửi tại Ngân hàng SHB là 1.604.416.438 đồng là tài sản chung của vợ chồng bà Th và ông S, số tiền còn lại là tài sản riêng của ông S.

Bà Th và ông S mỗi người được hưởng 802.208.219 đồng.

Bà Th và ông S phải cùng có trách nhiệm đến Ngân hàng SHB để thực hiện thủ tục rút đối với số tiền được hưởng theo quy định của Pháp luật.

Về nợ chung: Bà Th và ông S cùng xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Bà Th và ông S đều là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Th và ông Phan Hồng S kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KN, huyện ĐA, Thành phố HN, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46/1985, quyển số 01 ngày 14/10/1985. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà Th có đơn xin ly hôn với ông S đồng thời có yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, ông S có địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại xóm B, xã TL, Thành phố HN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân KV - HN, quan hệ pháp luật là "Ly hôn và chia tài sản chung".

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm:

Bà Lê Thị Th và ông Phan Hồng S sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không phù hợp với nhau về tính cách, quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà Th xin được ly hôn với ông S.

Ông Phan Hồng S cũng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống và tính cách. Nay bà Th xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Th và ông S là có thực. Sau khi kết hôn ông bà sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai ông bà đều không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện mối quan hệ để vợ chồng quay về đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên toà, bà Th và ông S cùng thống nhất thuận tình ly hôn, việc thoả thuận của ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Bà Lê Thị Th và ông Phan Hồng S có 02 con chung là Phan Quốc Tr, sinh năm 1996 và Phan Th H, sinh năm 1987. Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung:

Bà Th và ông S đều xác nhận năm 2020 vợ chồng ông bà có gửi một khoản tiền tiết kiệm là 3.000.000.000 đồng tại Ngân hàng SHB, sổ tiết kiệm đứng tên ông Phan Hồng S.

Quá trình giải quyết vụ án cả ông S và bà Th đều xác nhận trong số tiền gốc 3.000.000.000 đồng gửi tại Ngân hàng SHB có 1.500.000.000 đồng là tiền bố mẹ ông S cho ông S và là tài sản riêng của ông S. Số tiền 1.500.000.000 đồng còn lại là tài sản chung vợ chồng.

Theo cung cấp của Ngân hàng SHB, quá trình ông S gửi tiết kiệm khoản tiền 3.000.000.000 đồng tại Ngân hàng thì ông S gửi tiết kiệm theo từng kỳ hạn và đã rút, gửi tiền nhiều kỳ. Ngày 08/02/2025 ông S đã gửi tiết kiệm số tiền gốc là

3.208.832.877 đồng, theo sổ tiết kiệm số TK8215873, số tài khoản 41170700464 mang tên ông Phan Hồng S.

Ông S và bà Th cũng đã xác nhận khoản tiền gốc ban đầu gửi tiết kiệm là 3.000.000.000 đồng, bản thân ông S xác nhận ông không rút tiền lãi ra chi tiêu, chỉ đầu năm 2024 ông mới rút một khoản tiền lãi để sử dụng vào việc sửa chữa nhà và đến ngày 08/02/2025 ông S đã gửi tiết kiệm số tiền gốc là 3.208.832.877 đồng vào Ngân hàng SHB. Do vậy xác định số tiền 3.208.832.877 đồng ông S gửi tiết kiệm ngày 08/02/2025 bao gồm 3.000.000.000 đồng tiền gốc và 208.832.877 đồng là tiền lãi của số tiền 3.000.000.000 đồng tiền gốc. Quá trình giải quyết vụ án thì ông S và bà Th cũng đã thống nhất chia trên số dư nợ thực tế.

Như trên đã phân tích ông S và bà Th đều xác nhận trong số 3.000.000.000 đồng tiền gốc có 1.500.000.000 đồng là tiền của cá nhân ông S, số tiền 1.500.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Do vậy nên số tiền lãi 208.832.877 đồng cũng sẽ được chia đôi, số tiền lãi của số tiền gốc 1.500.000.000 đồng tài sản chung vợ chồng là 104.416.438 đồng, số tiền lãi của số tiền 1.500.000.000 đồng là tài sản riêng của ông S là 104.416.438 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xác nhận tài sản chung của bà Th và ông S là 1.604.416.438 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, số tiền lãi là 104.416.438 đồng.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản chung vợ chồng được chia đôi. Do đó bà Th được hưởng tổng số tiền là 802.208.219 đồng. Ông S được hưởng số tiền được chia từ tài sản chung vợ chồng là 802.208.219 đồng và số tiền thuộc tài sản riêng của ông S là 1.604.416.438 đồng, tổng cộng ông S được hưởng 2.406.624.657 đồng trong tổng số tiền 3.208.832.877 đồng đang được gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB.

Do hiện nay khoản tiền tiết kiệm 3.208.832.877 đồng đang được gửi tại Ngân hàng SHB, nên Ngân hàng SHB có trách nhiệm thanh toán cho bà Th số tiền 802.208.219 đồng trong tổng số tiền 3.208.832.877 đồng đang được gửi tại Ngân hàng SHB theo sổ tiết kiệm số TK8215873, số tài khoản 41170700464 mang tên ông Phan Hồng S. Thanh toán cho ông S số tiền 2.406.624.657 đồng trong tổng số tiền 3.208.832.877 đồng đang được gửi tại Ngân hàng SHB theo sổ tiết kiệm số TK8215873, số tài khoản 41170700464 mang tên ông Phan Hồng S.

Ông S và bà Th tiếp tục được hưởng khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng SHB tương ứng với số tiền được hưởng tính từ ngày 08/02/2025 cho đến ngày ông S và bà Th rút toàn bộ số tiền tiết kiệm tại Ngân hàng SHB.

[2.4] Về nợ chung: Bà Th và ông S đều xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà Th và ông S đều là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51; Điều 55; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 2, 4 Điều 147; điểm đ khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; Điều 271, Điều 273, Điều 278; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Th và ông Phan Hồng S.

2. Về con chung: Xác nhận bà Lê Thị Th và ông Phan Hồng S có 02 con chung là Phan Quốc Tr, sinh ngày 1996 và Phan Th H, sinh ngày 1987. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, đã có gia đình riêng. Nên Toà án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

- Xác định số tiền 1.604.416.438 đồng *(Một tỷ, sáu trăm linh bốn triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng)* trong tổng số tiền 3.208.832.877 đồng *(Ba tỷ, hai trăm linh tám triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng)* đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB theo sổ tiết kiệm số TK8215873, số tài khoản 41170700464 đứng tên ông Phan Hồng S là tài sản chung vợ chồng của bà Lê Thị Th và ông Phan Hồng S, số tiền 1.604.416.438 đồng *(Một tỷ, sáu trăm linh bốn triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng)* còn lại trong tổng số tiền 3.208.832.877 đồng *(Ba tỷ, hai trăm linh tám*

triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng) đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng SHB theo sổ tiết kiệm số TK8215873, số tài khoản 41170700464 đứng tên ông Phan Hồng S là thuộc tài sản riêng của ông S.

- Bà Th được hưởng ½ tài sản chung vợ chồng số tiền là 802.208.219 đồng *(Tám trăm linh hai triệu, hai trăm linh tám nghìn, hai trăm mười chín đồng)*.

- Ông S được hưởng ½ tài sản chung vợ chồng số tiền là 802.208.219 đồng *(Tám trăm linh hai triệu, hai trăm linh tám nghìn, hai trăm mười chín đồng)* và số tiền 1.604.416.438 đồng *(Một tỷ, sáu trăm linh bốn triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng)* là tài sản riêng của ông S. Tổng cộng ông S được sở hữu tổng số tiền là 2.406.624.657 đồng *(Hai tỷ, bốn trăm linh sáu triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng)*.

- Ngân hàng SHB có trách nhiệm thanh toán cho bà Th số tiền 802.208.219 đồng *(Tám trăm linh hai triệu, hai trăm linh tám nghìn, hai trăm mười chín đồng)* trong tổng số tiền 3.208.832.877 đồng *(Ba tỷ, hai trăm linh tám triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng)* theo sổ tiết kiệm số TK8215873, số tài khoản 41170700464 hiện đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng đứng tên ông Phan Hồng S và khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng đối với số tiền gốc là 802.208.219 đồng *(Tám trăm linh hai triệu, hai trăm linh tám nghìn, hai trăm mười chín đồng)* kể từ ngày 08/02/2025 cho đến ngày bà Th rút khoản tiền trên tại Ngân hàng.

- Ngân hàng SHB có trách nhiệm thanh toán cho ông S số tiền 2.406.624.657 đồng *(Hai tỷ, bốn trăm linh sáu triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng)* trong tổng số tiền 3.208.832.877 đồng *(Ba tỷ, hai trăm linh tám triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng)* theo sổ tiết kiệm số TK8215873, số tài khoản 41170700464 hiện đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng đứng tên ông Phan Hồng S và khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng đối với số tiền gốc 2.406.624.657 đồng *(Hai tỷ, bốn trăm linh sáu triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng)* kể từ ngày 08/02/2025 cho đến ngày ông S rút khoản tiền trên tại Ngân hàng.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Th và ông Phan Hồng S xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên Toà án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Th và ông Phan Hồng S là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

Số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Th đã nộp là 46.000.000 đồng *(Bốn mươi sáu triệu đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0071895 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA, Thành phố HN – Nay là: Phòng Thi hành án dân sự KV - HN được trả lại cho bà Lê Thị Th.

6. Bà Lê Thị Th và ông Phan Hồng S có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngân hàng SHB có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Th Huyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7-HN;
- Phòng THA Khu vực 7-HN;
- TAND Thành phố HN;
- UBND X.KN, H.ĐA, TP.HN – Nay là X.TL, TP. HN (GCNKH số 46/1985, Quyển số 01 ngày 14/10/1985);
- Lưu hồ sơ.